

**CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH PHƯỜNG HẢI DƯƠNG NĂM 2026***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: Triệu đồng

<b>NỘI DUNG THU</b>	<b>DỰ TOÁN</b>	<b>NỘI DUNG CHI</b>	<b>DỰ TOÁN</b>
<b>Tổng số thu</b>	<b>246,982</b>	<b>Tổng số chi</b>	<b>246,982</b>
<b>I. Các khoản thu phưởng hưởng 100%</b>	<b>20,102</b>	<b>I. Chi đầu tư phát triển</b>	<b>23,000</b>
<b>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ</b>	<b>167,594</b>	<b>II. Chi thường xuyên</b>	<b>219,139</b>
<b>III. Thu bổ sung</b>	<b>59,286</b>	<b>III. Dự phòng</b>	<b>4,843</b>
- Bổ sung cân đối ngân sách	58,206		
- Bổ sung có mục tiêu	1,080		
<b>IV. Thu chuyển nguồn</b>	<b>-</b>		

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2025		Dự toán năm 2026		So sánh (%)	
		Thu NSNN	Thu NSDP	Thu NSNN	Thu NSDP	Thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	<b>TỔNG THU</b>	<b>212,000</b>	<b>488,000</b>	<b>355,270</b>	<b>246,982</b>	<b>168</b>	<b>51</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>35,053</b>	<b>1,388</b>	<b>20,102</b>	<b>20,102</b>	<b>268</b>	<b>2,881</b>
	Thu phí, lệ phí	2,200	190	5,345	5,345	243	2,813
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4,509		4,500	4,500		
	Lệ phí trước bạ nhà đất	25,044		9,445	9,445		
	Thu khác ngân sách	3,300	1,198	812	812	25	68
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>176,947</b>	<b>46,111</b>	<b>335,168</b>	<b>167,594</b>	<b>465</b>	<b>2,265</b>
	Thuế thu nhập cá nhân	50,000	15,295			-	-
	Thuế giá trị gia tăng	48,028	3,859	155,800	84,132	324	2,180
	Thuế TNDN	7,000		77,005	41,583		
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	36		35	19		
	Thuế tài nguyên			300			
	Thu tiền sử dụng đất	42,742	26,957	60,000	23,000	140	85
	Lệ phí trước bạ (không kể lệ phí trước bạ nhà đất)			33,485	16,742		
	Tiền cho thuê đất, mặt nước	21,000		5,295	2,118		
	Thu từ DNNN	8,141					
	Thu khác ngân sách			3,248			
<b>VI</b>	<b>Thu chuyên nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang</b>		<b>36,711</b>				
<b>VII</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>633</b>				
<b>VII</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>-</b>	<b>403,157</b>	<b>-</b>	<b>59,286</b>		<b>15</b>
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên		343,371		58,206		17
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên		59,786		1,080		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2026***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025			Dự toán năm 2026			So sánh (%)		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên	Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>360,257</b>	<b>12,084</b>	<b>348,173</b>	<b>246,982</b>	<b>23,000</b>	<b>223,982</b>	<b>69</b>	<b>190</b>	<b>64</b>
	<i>Trong đó:</i>									
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	107,015		107,015	120,492		120,492	113		113
2	Chi quốc phòng	1,342		1,342	3,835		3,835	286		286
3	Chi an ninh	3,359		3,359	3,897		3,897	116		116
4	Chi y tế, dân số và gia đình	840		840	5,459		5,459	650		650
5	Chi khoa học và công nghệ				390		390			
6	Chi văn hóa thông tin	3,369		3,369	3,941		3,941	117		117
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	200		200	440		440	220		220
8	Chi thể dục thể thao	460		460	495		495	108		108
9	Chi bảo vệ môi trường	73,524		73,524	11,090		11,090	15		15
10	Chi các hoạt động kinh tế	23,915		23,915	12,608		12,608	53		53
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	79,986		79,986	33,828		33,828	42		42
12	Chi bảo đảm xã hội	38,163		38,163	21,574		21,574	57		57
13	Chi khác	1,736		1,736	1,090		1,090	63		63
14	Chi đầu tư phát triển	12,084	12,084		23,000	23,000		190	190	
15	Tiết kiệm theo Nghị quyết 173/NQ-CP	878		878	-			-		-
16	Dự phòng ngân sách	13,386		13,386	4,843		4,843	36		36

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026***(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>173,926</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>37,108</b>	<b>56,103.647</b>	<b>0</b>	<b>56,103.647</b>	<b>0</b>
<b>I</b>	<b>Công trình chuyển tiếp</b>		<b>39,124</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>33,373</b>	<b>5,751</b>	<b>0</b>	<b>5,751</b>	<b>0</b>
1	Cải tạo, mở rộng đường Trịnh Thị Lan, phường Ngọc Châu, thành phố Hải Dương (nay là phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng)	2024	20,997			18,918	2,079		2,079	
2	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất, nâng cấp trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Đảng ủy, HĐND & UBND phường Hải Dương	2025	7,893			6,268	1,625		1,625	
3	Cải tạo mặt đường, block vỉa hè tuyến Đoàn Nhữ Hài, Nguyễn Đức Khiêm phường Hải Dương	2025	5,284			4,227	1,057		1,057	
4	Lắp đặt lan can và hệ thống điện chiếu sáng đường dạo ven hồ An Ninh, phường Hải Dương	2025	4,950			3,960	990		990	
<b>II</b>	<b>Số vốn chưa phân bổ</b>						<b>50,352.647</b>		<b>50,352.647</b>	
<b>III</b>	<b>Các dự án thực hiện chuẩn bị đầu tư năm 2026</b> <i>(Tên dự án, tổng mức đầu tư, số vốn phân bổ là số dự kiến)</i>		<b>134,802</b>			<b>3,735</b>				
1	Xây dựng nâng tầng 2, 3 nhà lớp học 1 tầng hiện có, xây mới nhà hiệu bộ kết hợp bếp ăn, phòng học chức năng và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Ngọc Châu (cơ sở 2)	2025	32,120			3,735				
2	Xây dựng, cải tạo trường mầm non Trần Hưng Đạo, phường Hải Dương (cơ sở số 95 Bạch Đằng)		25,000							
3	Xây dựng nhà lớp học, nhà hiệu bộ trường Tiểu học Phú Lương		26,000							
4	Xây dựng mới trường mầm non Ngọc Châu (cơ sở 1 - số 335 Nguyễn Hữu Cầu)		15,682							

STT	Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
			Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
									Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
5	Xây dựng nhà lớp học 3 tầng và cải tạo sửa chữa các hạng mục phần mở rộng trường THCS Ngô Gia Tự		15,000							
6	Xây mới nhà đa năng, nâng cấp, cải tạo nhà bếp, nhà ăn trường Tiểu học Ngọc Châu		10,000							
7	Xây dựng, tăng cường cơ sở vật chất nhà văn hoá tổ dân phố 25 phường Hải Dương (phường Trần Hưng Đạo cũ)		5,000							
8	Xây dựng NVH tổ dân phố số 36, phường Hải Dương		6,000							

Biểu số 112/CK TC - NSNN

**KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2026**

*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

*Đơn vị: 1.000 đ*

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm			Kế hoạch năm 2025		
		Thu	Chi	Chênh lệch	Thu	Chi	Chênh lệch
	<b>TỔNG SỐ</b>						
1	Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách						
2	Các hoạt động sự nghiệp						